

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NT
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 45 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2019
**V/v: “*Không công nhận*
quan hệ vợ chồng”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT
TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Bích Ngọc**

Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tiến Thành

Bà Nguyễn Thị Mộng Lành

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ngọc** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “***Không công nhận quan hệ vợ chồng***” theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Mai Hồng V**

Địa chỉ: 81 P, phường P, Tp.NT, tỉnh Khánh Hòa.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Ông **Trần Nguyễn Thanh S**

Địa chỉ: B51 chung cư số 9 N, phường L, Tp. NT, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản tự khai ngày 13/5/2019 và ngày 22/5/2019, nguyên đơn bà Mai Hồng Vân trình bày:

Bà và ông Trần Nguyễn Thanh S tự nguyện sống chung với nhau năm 1988 không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chúng tôi chung sống với nhau khá hạnh phúc. Thời gian về sau bà và ông S nảy sinh bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn cãi vã trong gia đình, cuộc sống chung ngày càng có khoảng cách và không hòa hợp nhau. Năm 2016, bà và ông S đã xảy ra xung đột, mâu thuẫn, không chịu nổi cuộc sống chung nên bà đã chuyển ra nhà anh trai sinh sống gần 1 năm. Sau đó hai bên đã tự hòa giải và về sống chung lại với nhau nhưng mâu thuẫn và xung đột vẫn thường xuyên xảy ra. Tháng 7 năm 2018, bà lại dọn ra ngoài ở riêng đến nay. Bản thân bà cảm thấy không được coi trọng, thường xuyên bị xúc phạm và không thể hàn gắn được. Nay bà làm đơn này xin giải quyết không công nhận bà và ông Trần Nguyễn Thanh S là vợ chồng để nhằm giải thoát cho cả hai, an tâm làm ăn sinh sống.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là cháu Trần Mai K, sinh ngày 13/8/1994 và Trần Mai H 14/8/1996 các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Nguyễn Thanh S trình bày tại bản tự khai ngày 13/5/2019:*
Ông S và bà V tự nguyện chung sống và có tổ chức cưới hỏi của hai bên gia đình vào năm 1988, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung giữa ông và bà V không hòa nhịp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nay bà V yêu cầu không công nhận vợ chồng ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà V có 02 con chung là cháu Trần Mai K, sinh ngày 13/8/1994 và Trần Mai H 14/8/1996, các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn, bà Mai Hồng V và ông Trần Nguyễn Thanh S, về con chung đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung bà V và ông S tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Mai Hồng V vắng mặt nhưng đã có bản tự khai trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Nguyễn Thanh S đã được Tòa triệu tập hợp lệ trong các phiên xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Hồng V và ông Trần Nguyễn Thanh S đều thừa nhận tự nguyện sống chung từ năm 1988, không đăng ký kết hôn. Do đó, có căn cứ xác định đây là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật công nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Hồng V và ông Trần Nguyễn Thanh S.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có 02 con chung là Trần Mai K, sinh ngày 13/8/1994 và Trần Mai H 14/8/1996, hiện cả hai đã trên 18 tuổi, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Án phí: Bà Mai Hồng V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011363 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Bà V đã nộp đủ án phí.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Hồng V và ông Trần Nguyễn Thanh S.

2/ Về con chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

4/ Án phí: Bà Mai Hồng V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011363 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Bà V đã nộp đủ án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Bà V và ông S được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. NT;
- Đường sự;
- THADS Tp NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đàm Thị Bích Ngọc